TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 584/2024/DS-PT
Ngày: 23/9/2024
Về việc tranh chấp về quyền sử dụng đất
vàtài sản chung của dòng họ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tuấn Anh
Ông Đinh Chí Tâm

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Vũ Đình Quang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Được - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 và ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 320/2024/TLPT-DS ngày 12 tháng 7 năm 2024, về việc *"Tranh chấp về quyền sử dụng đất và tài sản chung của dòng họ"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2024/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2024, của Toà án nhân dân huyện Lấp Vò bị kháng cáo;

Theo Quyếtđưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 500/2024/QĐ-PT ngày 26/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 547/2024/QĐPT-DS ngày 16/8/2024, của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1937.

Địa chỉ: Số I, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Bùi Văn P, sinh năm 1961; Địa chỉ: Số A, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo vănbản ủy quyền ngày 12/8/2022;

- Bị đơn: Ông Lê Khắc D, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số A, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông D: Anh Lê Khắc T, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số A, Đỗ Ngọc Q, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh theo vănbản ủy quyền ngày 31/12/2020.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1970;

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974;

3. Chị Nguyễn Thị Khánh L1, sinh năm 2000;

4. Anh Nguyễn Khánh D1, sinh năm 2009;

Cùng địa chỉ: Số I, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật của anh D1: Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974; Cùng địa chỉ: Số I, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

5. Bà Lê Thị D2, sinh năm 1961;

6. Anh Lê Khắc D3, sinh năm 1987;

7. Chị Lê Thị Cẩm N1, sinh năm 1989;

8. Chị Lê Thị Hồng N2, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: Số A, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D2, anh D3, chị Cẩm N3 và chị Hồng N4: Anh Lê Khắc T, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số A, Đỗ Ngọc Q, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh theo vănbản ủy quyền ngày 31/12/2020.

9. Chị Lê Thị Huỳnh N5, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số I, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

10. Anh Phạm Hữu T1, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số I, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Ấp M, thị trấn C, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

11. Anh Lê Khắc T, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số A, Đỗ Ngọc Q, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Bà Lê Thị K, sinh năm 1939;

Địa chỉ: Số I, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

13. Ông Lê Triều K1, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà K và ông K1: Anh Lê Khắc T, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số A, Đỗ Ngọc Q, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh theo vănbản ủy quyền ngày 29/02 và 04/3/2024.

Ông P, anh T, ông S, bà \" **o "nào,"**N6hưcó mặt tại phiên các phiên tòa; chị Khánh L2, anh T1 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Lê Thị Kim L là ông Bùi Văn P trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp với ông Lê Khắc D trước đây là theo phần phân chia ngày 27/3/1965 của cụ Lê Minh H (ông C của bà L) thì cụ H chia ra, phần căn nhà (nhà bacủa cụ H quản lý theo như tờchia. Đến tháng 01/1966, cụ H chết nên căn nhà bỏ hoang vắng không ai dám ở, ông bà ngồi lại kêu cha bà L là cụ Lê Trí T2 về ở quản lý vào tháng 6/1966. Phần căn nhà do ông T2 đứng tên, phần còn lại chia cho vợ cụ H là cụ Nguyễn Thị B. Khi cụ B chết thì bà Lê Thị Minh Ả là con của cụ B thừa hưởng, sau đó bà Ả bán cho ông D. Như vậy, bà Ả chỉ được bán phần đất mà bà Ảnh được hưởng, ông D không được đứng tên luôn phần đất căn nhà của cụ T2 quản lý. Đến ngày 18/5/2011, hộ ông D đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Lấp Vò cấp quyền sử dụng đất (QSDĐ) của thửa đất số 23, tờ bản đồ 38, diện tích 6.822,7m^2, đất tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Đến năm 2014, bà L thấy căn nhà xuống cấp nên bà L bán với số tiền 300.000.000 đồng để lấy tiền xây lại căn nhà như hiện nay. Việc này có ông Nguyễn Văn C1 (còn sống) đứng ra cho, vì ông C1 là lớn nhất trong gánh họ. Hàng năm, căn nhà này có đến 09 đám giỗ và đang thờ ông bà đều là họ Lê.

Lúc còn sống cụ T2 sử dụng diện tích như bà L xác định khi đo đạc, nên bà L yêu cầu diện tích là 1.259,2m^2 và ông D phải sang tên lại cho bà L. Vì phần đất này cụ T2 đã quản lý sử dụng từ năm 1966, sau khi cụ T2 và cụ Nguyễn Thị K2 chết thì bà L tiếp tục sử dụng đến nay. Khi bà Ả chưa bán đất cho ông D thì bà Ả chỉ sử dụng bên phần đất bà Ả, ranh giới phía trước nằm về phía sân ông D so với hàng rào ông D xây hiện nay. Còn phía sau căn nhà là khoảng đất rất rộng khoảng 30 mét, có con mương ngang phân biệt ranh đất giữa bà Ả và cụ T2. Phần đất sau nhà cụ T2 trồng tre, tầm vong, dừa, làm chuồng nuôi heo và bắt cầu cá. Sau khi

cụ T2 chết (ngày 04/8/1991), cụ K2 tiếp tục sử dụng cho đến khi cụ K2 chết (ngày 13/6/2009) thì bà L tiếp tục sử dụng, nhưng do bà L đi chùa T6 mới về nhà nên ông D tiến hành phá bỏ vườn cây và trồng cây lấn chiếm đất khoảng 08 năm nay. Còn trước đây ông D không có sử dụng phần đất này. Đối với các cây trồng phía trước sân là do bà L trồng khoảng năm 1995 và một số do cha bà L là cụ T2 trồng.

Bà L là dì của ông Nguyễn Thanh S còn bà Nguyễn Thị Nào l vợ của ông S. Bà L chỉ cho ông S và bà N7 một phần của căn nhà mà bà L đang sử dụng, chứ bà L không có cho phần căn nhà và phần đất mà ông S và bà N8 sử dụng.

Nay bà L thay đổi yêu cầu là chỉ yêu cầu Toà án công nhận đối với diện tích theo đo đạc thực tế là 1.259,2m^2 trong phạm vi các mốc từ M1, M27, M34, M28, M2, M25, M3, M4, M5, M6, M7, M24, E, F, A, M8, M9, M10 về M1 theo Sơđo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 09/11/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L và điều chỉnh giấynhận QSDĐ của ông D để cấp phần diện tích nêu trên cho bà L.

Trong trường hợp Tòa án giao đất cho bà L thì bà L đồng ý trả giá trị các cây trồng của ông D, còn nếu buộc bà L phải di dời thì bà L không có yêu cầu gì đối với căn nhà, do căn nhà là của bà L và cũng không có yêu cầu hay tranh chấp gì đối với các tài sản trong căn nhà.

Đối với phần diện tích theo đo đạc thực tế là 108,1m^2 trong phạm vi các mốc từ M2, M25, M3, M4, M16, M15, M14, M13, M12, M11 về M2 theo Sơđo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 09/11/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L thì bà L thống nhất làm lối đi chung ra khu mộ, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà L yêu cầu ông D tháo dỡ phần nền mới xây phía trên sân đất bà L và không hỗ trợ chi phí di dời.

Bà L không thống nhất với yêu cầu phản tố bổ sung của ông D và các yêu cầu độc lập của bà K, ông K1 và anh T.

Bà L thống nhất với các Biênxem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án, S1 đạc hiện trạng đất tranh chấp của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L và Biênbản định giá tài sản của Hội đồng định giá.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Lê Khắc D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị D2, Lê Khắc D, Lê Thị Cẩm N1, Lê Thị Hồng N2, Lê Thị K và Lê Triều K1 là anh Lê Khắc T trình bày:

Trước đây, phần đất này là của bà Lê Thị Minh Ả (con đẻ của cụ Lê Minh

H và ông Lê Khắc D gọi cụ H là ông C) đứng tên gồm các thửa đất số 360a và 360b, bà Ả được UBND huyện T (nay là huyện L) cấp giấynhận QSDĐ ngày 27/11/1991 theo đơnkhai đăng ký chủ sử dụng đất, khi cấp giấycó đo đạc, không có cắm mốc và tại thời điểm bà Ả được cấp giấycó ai tranh chấp. Đến năm 1994, bà Ả bán lại cho ông Lê Khắc D hết các thửa đất trên giấynhận QSDĐ. Đến ngày 28/12/1994, ông D được UBND huyện T (nay là huyện L) cấp giấynhận QSDĐ, khi cấp giấy không có đo đạc, không có cắm mốc, nhưng trong nội dung đơnký chuyển nhượng QSDĐ có ghi thửa đất số 360a có chiều ngang 45 mét, chiều dài 140 mét, thửa đất số 360b có chiều ngang 40 mét, tứ cận hướng Đông giáp Lê Văn K3, phía Tây giáp Huỳnh Văn B1, phía Nam giáp chủ sở hữu hương hoả (tức là phần đất phía sau nhà), hướng Bắc giáp sông N Bác và tại thời điểm ông D được cấp giấy không có ai tranh chấp.

Đến ngày 17/11/2006, ông D làm thủ tục tách thửa đất số 360b thành 02 thửa là thửa đất số 482, 483 và được ghi ở trang 4 giấynhận QSDĐ. Ngày 07/12/2006, ông D được UBND huyện L cấp giấynhận QSDĐ thửa đất số 483, khi cấp giấycó đo đạc, không có cắm mốc và tại thời điểm ông D được cấp giấy không có ai tranh chấp.

Đến ngày 18/02/2009, ông D có đơn xin cấp lại, cấp đổi giấynhận QSDĐ và nhập thửa đất số 483 với thửa đất số 360a, cùng tờ bản đồ số 4a thành thửa đất số 23, tờ bản đồ số 38, diện tích 6.822,7m^2 và được UBND huyện L cấp giấynhận QSDĐ vào ngày 18/5/2011, khi cấp giấy có tiến hành đo đạc, có xác định ranh giới, mốc giới, có những chủ sử dụng đất tiếp giáp ký thống nhất ranh gồm ông Nguyễn Trí T3, bà Lê Thị K, ông Hà Hữu Đ, ông Đặng Văn M và tại thời điểm ông D được cấp giấy không có ai tranh chấp.

Lúc bà Ả bán đất có ghi vị trí là trọn thửa của bà Ả. Đối với phần phủ thờ là của chungchia cho ai. Cụ T2 có ở trên phủ thờ từ năm 1966, lúc đó còn có nhiều người khác sử dụng không ở trực tiếp nhưng tới lui, có bà Lê Thị C2 ở chung, cho đến năm 1977 mới về ở với con bà Nguyễn Thị B2 đó nhưng vẫn ở đây và bà Võ Thị L3 thường xuyên tới lui vì là đất từ đường. Sau khi cụ T2 tiếp quản phủ thờ do không hợp nên mọi người ra ở riêng hết, chỉ còn gia đình cụ T2 ở. Nhưng giỗlễ tết thì anh em bà con dòng họ về tụ lại lo cúng ông bà. Đến khi cụ T2 chết thì vợ cụ T2 là cụ Nguyễn Thị K2 tiếp tục ở, các con thì ở riêng. Bà L là tu sĩ ở chùa H1 tại thành phố C, tỉnh An Giang nên từ trước đến nay bà L không thường xuyên ở trong phủ thờ để chăm lo hương khói cho ông bà tổ tiên. Phần từ đường là thuộc họ Lê chứ không của riêng ai.

Ông D nhận chuyển nhượng đất của bà Ả trên cơ sở bà Ả được cấp đất hợp

pháp và chuyển nhượng hợp pháp cho ông D. Lúc mua diện tích là 4.030m^2, do bà Ả được cấp diện tích này và khi ông D mua lại đều không có đo đạc thực tế, mà chủ yếu dựa trên đơn kê khai đăng ký của bà Ả và đến ông D được cấp giấy là được sang toàn bộ các thửa đất từ bà Ảnh mà cũng không có đo đạc. Khi mua đất, ông D biết đất bà Ả bao gồm phần phủ thờ mà gia đình cụ T2, cụ K2 đang sử dụng. Sau đó, ông D được cấp đổi nhiều lần, nhưng không ai tranh chấp kể cả cụ K2, bà L nên ông D không đồng ý theo yêu cầu của bà L.

Nay ông D yêu cầu bà L, chị N5, anh T1, ông S, bà N,chị L2 và anh D1 di dời tất cả các tài sản cá nhân ra khỏi đất để giao trả đất lại cho ông D và ông D đồng ý hỗ trợ giá trị một phần căn nhà cho bà L, chị N5 và anh T1 theo định giá là 276.279.075 đồng và hỗ trợ giá trị một phần căn nhà cho ông S, bà N,L2 và anh D1 theo định giá là 24.439.825 đồng. Đồng thời, ông D, anh T, bà K và ông K1 đều yêu cầu xác định căn nhà này là phủ thờ họ L4 và đồng ý giao phần phủ thờ cho anh T, giao phần diện tích 923,4m^2 (đất ở tại nông thôn 180m^2 và đất trồng cây lâu năm 743,4m^2) trong phạm vi các mốc từ M1, M10, M9, M8, A, F, E, M24, M25, M2, M28, M34, M27 về M1 theo Sơđo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 09/11/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L cho anh T đại diện đứng tên quản lý để con cháu của dòng họ Lê có nơi thờ cúng ông bà, tổ tiên của dòng họ Lê theo phong tục, tập quán và truyền thống tốt đẹp của người Việt Nam.

Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà L thì ông D không yêu cầu trả giá trị các cây trồng có trên đất do ông D trồng và không yêu cầu định giá, bồi thường các cây trồng mà ông D trồng thêm sau khi Tòa án thẩm định lần đầu, mà ông D sẽ tự nguyện di dời. Đối với phần nền nhà mới xây ông D cũng tự nguyện tháo dỡ di dời và không yêu cầu định giá hay bồi thường.

Đối với phần diện tích theo đo đạc thực tế là 108,1m^2 trong phạm vi các mốc từ M2, M25, M3, M4, M16, M15, M14, M13, M12, M11 về M2 theo Sơđo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 09/11/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L thì ông D thống nhất làm lối đi chung ra khu mộ, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông D, anh T, bà K và ông K1 đều thống nhất với các Biênxem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án, S1 đạc hiện trạng đất tranh chấp của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L và Biênbản định giá tài sản của Hội đồng định giá.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thị N trình bày:

Ông S (cháu ngoại của cụ Lê Trí T2 và cụ Nguyễn Thị K2) và bà N9 sống trong một phần căn nhà (nhà ba gian) mà bà L đang quản lý, sử dụng (căn nhà

phụ) từ năm 1997. Trước đây, ông D không có sử dụng phần đất sau vườn mà chỉ mới lấn chiếm trồng cây khoảng 08 - 09 năm nay. Nay ông S và bà N10 ý di dời đi theo yêu cầu của ông D. Trường hợp Tòa chấp nhận yêu cầu phản tố của ông D thì ông S và bà N11 ông D bồi thường theo giá trị của Hội đồng định giá là 24.439.825 đồng. Đối với phần đất tranh chấp thì ông S và bà N12 bà L quyết định, ông S và bà N13 có yêu cầu hay tranh chấp.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Huỳnh N5 trình bày:* Chị N5 thống nhất với lời trình bày của bà L và không có ý kiến trình bày bổ sung.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Hữu T1 trình bày*: Anh T1 là cháu ngoại của bà L, anh T1 không có yêu cầu hay tranh chấp gì trong vụ án này. Nguyên nhân anh T1 có tên trong hộ khẩu là do anh T1 là người con của Đồng Tháp nên muốn có căn cước công dân đầu số 087 và để trùng với giấy tờ còn lại. Hiện nay, anh T1 không còn sinh sống trong căn nhà mà bà L đang quản lý, sử dụng mà đã chuyển về sinh sống ở thị trấn C, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Tại Bảnán dân sự sơ thẩm số 25/2023/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2024, của Toà án nhân dân huyện Lấp Vò đã xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim L.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Khắc D.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị N, anh Lê Khắc T, bà Lê Thị K và ông Lê Triều K1.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Lê Thị Kim L về việc yêu cầu huỷ một phần Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 23, tờ bản đồ số 38, diện tích 6.822,7m^2, đất toạ lạc tại ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, được UBND huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp cho hộ ông Lê Khắc D vào ngày 18/5/2011 và yêu cầu ông Lê Khắc D trả giá trị xây dựng căn nhà bà Lê Thị Kim L đang ở theo định giá là 276.279.075 đồng trong trường hợp buộc phải di dời.

- Buộc bà Lê Thị Kim L, chị Lê Thị Huỳnh N5, anh Phạm Hữu T1, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Khánh L1 và anh Nguyễn Khánh D1 có nghĩa vụ di dời tất cả các tài sản cá nhân trong căn nhà thờ để trả lại cho ông Lê Khắc D diện tích đất theo đo đạc thực tế là 1.259,2m^2 được thể hiện từ mốc M1, M27, M34, M28, M2, M25, M3, M4, M5, M6, M7, M24, E, F, A, M8,

M9, M10 về M1 theo Sơđo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 09/11/2023, của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đaihuyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Giao phần diện tích 923,4m^2 (đất ở tại nông thôn 180m^2 và đất trồng cây lâu năm 743,4m^2), trong phạm vi các mốc từ M1, M10, M9, M8, A, F, E, M24, M25, M2, M28, M34, M27 về M1 theo Sơđo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 09/11/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L và căn nhà thờ được xây dựng trên phần diện tích này cho anh Lê Khắc T đại diện đứng tên, quản lý làm nơi thờ cúng ông bà, tổ tiên của dòng họ Lê.

Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan Nhànước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai cấp giấyng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Buộc ông Lê Khắc D hoàn trả giá trị cho bà Lê Thị Kim L số tiền 276.279.075 đồng (Hai trăm bảy mươi sáu triệu, hai trăm bảy mươi chín nghìn, không trăm bảy mươi lăm đồng).

- Buộc ông Lê Khắc D hoàn trả giá trị cho ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị N14 tiền 24.439.825 đồng (Hai mươi bốn triệu, bốn trăm ba mươi chín nghìn, tám trăm hai mươi lăm đồng).

(Kèm theo Sơđo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 09/11/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đaiLấp Vò, tỉnh Đồng Tháp và các Biênbản xem xét thẩm định tại chỗ các ngày 30/7/2020, 20/01/2022, 05/6 và 19/10/2023 của Toà án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp)

5. Về chi phí tố tụng:

- Bà Lê Thị Kim L phải chịu chi phí đo đạc là 4.525.000 đồng (Bốn triệu, năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng), chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tổng cộng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), chi phí thẩm định giá là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng). Tổng cộng là 6.525.000 đồng (Sáu triệu, năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Bà L đã nộp tạm ứng và chi xong.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Khắc D về việc tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng). Ông D đã nộp tạm ứng và chi xong.

6. Về án phí và tạm ứng án phí:

- Bà Lê Thị Kim L là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

- Ông Lê Khắc D phải chịu số tiền 15.035.900 đồng (Mười lăm triệu, không trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông D đã nộp tạm ứng án phí theo Biênthu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002390, ngày 30/11/2021 của C3 cụchành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Ông D còn phải nộp tiếp số tiền 14.735.900 đồng (Mười bốn triệu, bảy trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm đồng).

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị N số tiền 611.000 đồng (Sáu trăm mười một nghìn đồng) mà ông S và bà N đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002391, ngày 30/11/2021 của C3 cụcThi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Hoàn trả cho ông Lê Khắc D, anh Lê Khắc T, bà Lê Thị K và ông Lê Triều K1 số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông D, anh T, bà K và ông K1 đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003607, ngày 31/01/2024 của C3 cụcThi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/5/2024, bà Lê Thị Kim L là nguyên đơn kháng cáo yêu cầu giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông D và yêu cầu độc lập của người liên quan để bảo vệ chính đáng cho bà L theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/5/2024, ông Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thị Nào là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án của Tòa án huyện L chấp nhận theo yêu cầu của bà N và ông S.

- Tại phiên tòa phúc thẩm

Bà L, ông S, bà N15 nguyên yêu cầu kháng cáo;

Anh Lê Khắc T không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo bà L, ông S, bà N.nhiên, anh Lê Khắc T đồng ý cho bà L tiếp tục ở trong căn nhà thờ dòng họ Lê đến cuối đời nhưng không được ngăn cản con cháu họ Lê đến thắp hương cho tổ tiên, ông bà. Đồng ý cho ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị N, chị N5, anh T1, chị L1, anh D1 lưu cư do Hội đồng xét xử quyết định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Từ khi thụ lý giải quyết vụ việc đến khi nghị án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định Bộ luật tốtụng dân sự về trình tự xét xử phúc thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật tốtụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Lê Minh H (cha đẻ của cụ Lê Thị Minh Ả). Năm 1966, cụ H bị bắn chết không ai dám về nhà thờ đó ở nên các cô bác trong dòng họ kêu cụ Lê Trí T2 (cha đẻ của bà L) về ở. Ngày 27/11/1991, cụ Á (con cụ H) được UBND huyện T (nay là huyện L) cấp giấy chứng nhận QSDĐ đối với thửa đất số 360a và 360b, tổng diện tích là 4.030m^2. Tại Công văn số 79/UBND- NC ngày 28/5/2021 của UBND huyệh Lấp Vò khẳng định: Việc cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho bà Ả là cấp theo đơn kê khai đăng ký chủ sử dụng đất, không có đo đạc, cắm mốc, tại thời điểm cấp giấy không có tranh chấp, về đối tượng đảm bảo và về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tại thời điểm cấp giấy.

Đến năm 1994, bà Ả chuyển nhượng hết diện tích đất trên giấy cho ông Lê Khắc D và được UBND huyện L hạ trang 4 trên giấy chứng nhận QSDĐ của bà Ảnh, nội dung đã chuyển nhượng hết cho ông D diện tích 4.030m^2 ngày 28/12/1994. Việc cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ông D cũng không có đo đạc, cắm mốc. Ngoài ra, theo nội dung đơn đăng ký chuyển nhượng QSDĐ có ghi thửa đất số 360a có chiều ngang 45 mét, chiều dài 140 mét, thửa đất số 360b có chiều ngang 40 mét và có ghi tứ cận của thửa đất tiếp giáp với chủ sử dụng đất còn lại, cụ thể Đông giáp Lê Văn K3, Nam giáp sở hữu chủ - Hương quả, T4 giáp Huỳnh Văn B3, Bắc giáp song Ngã Bác.

Theo lời trình bày của những người làm chứng là con của bà Ả cho rằng bà Ả chỉ chuyển nhượng cho ông D phần đất của bà Ả được hưởng là 04 công, không có chuyển nhượng phần của bà L và bà Ả hoàn toàn không biết việc giấy đất của bà Ả cấp trùm luôn phần đất của bà L là không phù hợp. Khi ông D được cấp đổi giấy ngày 18/5/2011 với diện tích 6.822,7m^2, có đo đạc thực tế, theo ranh giới mốc giới của chủ sử dụng xác định, tại thời điểm cấp giấy không có tranh chấp. Thửa đất 360b sau khi ông D nhận chuyển nhượng từ cụ Ảnh thì sau đó tách ra

thành 02 thửa là thửa 482 và 483. Thửa đất số 23, tờ bản đồ số 38 được cấp đổi từ thửa đất số 483, 360a, diện tích tăng do việc cấp giấy theo bản đồ 299 không chính xác. Ngoài ra, theo nội dung Tờ chuyển nhượng ngày 14/12/1994 giữa bên chuyển nhượng là bà Trần Thị Minh Á1, ông Trần Ngọc S2 và bà Trần Thị Kim T5 (các con của cụ H) với ông Lê Khắc D thể hiện bà Ả, ông S2 và bà T5 thống nhất chuyển nhượng lại cho ông D đất và nhà gồm 02 căn nhà giáp với nhà phủ thờ họ L4 và 05 công vườn cùng phần hương hoả theo tờ thoả thuận chia bất động sản lúc trước để lại cho con cháu kế sự (Văn bản thoả thuận ngày 27/3/1965).

Về hiện trạng, quá trình sử dụng đất: Sau khi ông D nhận chuyển nhượng từ bà Ả thì ông D sử dụng để cất nhà, trồng cây lâu năm. Gia đình ông T2 (cha bà L) sống trong phủ thờ từ năm 1966, sau đó ông T2 chết thì bà K2 (mẹ bà L) và bà L tiếp tục sống ở phủ thờ, đến năm 1997 thì bà L cho vợ chồng ông S2 ở nhờ nhà của bà L, khi nhà xuống cấp, ông S2, bà N có sửa chữa lại căn nhà. Ngoài ra, trên đất còn có cây trồng của cụ T2 và bà L. Việc cụ T2 sống trong phủ thờ là sau khi cụ H chết không ai dám ở nên anh em mới thống nhất để cụ T2 ở chứ không phải là cho đất cụ T2. Khi bà Ả được cấp giấy thì ông T2, bà K2 và bà L không có ai tranh chấp. Như vậy, có căn cứ xác định phần đất tranh chấp là của ông D nhận chuyển nhượng từ bà Ả.

Đối với nhà thờ (phủ thờ, từ đường): Bà L không thừa nhận căn nhà bà L đang quản lý, sử dụng là phủ thờ mà chỉ là nhà bà ở do được cụ H cho cha bà. Tuy nhiên, bà L cũng thừa nhận các ông bà, cô bác trong dòng họ kêu cụ T2 về ở và trong căn nhà này được thờ ông bà từ các cụ sơ, cụ cố cho đến chú bác hầu hết đều mang họ L4 và hàng năm có đến 09 lễ giỗ. Hơn nữa, bà L còn thừa nhận vào năm 2014 bà L thấy phủ thờ xuống cấp nên bà L bán phủ thờ được số tiền 300.000.000 đồng để lấy tiền xây lại phủ thờ như hiện nay và việc bà L bán phủ thờ có ông Nguyễn Văn C1 đứng ra cho, do ông C1 là lớn nhất trong gánh họ. Do đó, có căn cứ để xác định một phần căn nhà mà bà L đang quản lý, sử dụng và một phần căn nhà mà bà L cho các cháu của bà L là ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị N quản lý, sử dụng là nhà thờ họ Lê. Nhận thấy, bà L là tu sĩ (không có chức vụ ở chùa) ở chùa H1 tại thành phố C, tỉnh An Giang và bà L đã cao tuổi, bà L thừa nhận không thường xuyên ở nhà thờ họ Lê để lo hương khói cho ông bà. Đồng thời, các thành viên dòng họ Lê, trong đó có ông D thống nhất giao phần diện tích đất 923,4m^2 và nhà thờ trên phần diện tích đất này cho ông Lê Khắc T. Xét thấy, giao diện tích đất trên và nhà thờ cho ông T đại diện họ Lê đứng tên và quản lý là phù hợp.

Ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị N không đồng ý di dời để trả nhà mái trái cho ông D vì không còn chỗ ở nào khác. Xét việc ông S và bà N ở trên đất là do bà L đồng ý cho ở, không có sự đồng ý của ông D cũng như những thành viên trong dòng họ L4, nhà ông S và bà N đang ở được xác định là phủ thờ của dòng họ L4 nên việc buộc hộ ông S và bà N di dời trả nhà là có căn cứ.

Tuy nhiên, tại phiên toà ông T đồng ý cho bà L tiếp tục ở trong phủ thờ cho đến cuối đời và đồng ý cho ông S, bà N, chị N5, anh T1, chị L1 và anh D1 được lưu cư, thời gian lưu cư do Toà án quyết định. Xét thấy sự tự nguyện của ông T là phù hợp quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

Chấp nhận sự tự nguyện của ông D trả giá trị cho bà L theo kết quả của Hội đồng định giá là 276.279.075 đồng và trả giá trị cho ông S, bà Nào là 24.439.825 đồng.

Xét kháng cáo của bà Lê Thị Kim L, ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Nào l không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích trên, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm số: 25/2024/DS-ST ngày 08/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Khắc T cho bà Lê Thị Kim L được tiếp tục ở trong phủ thờ đến cuối đời. Ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị N, chị Lê Thị Huỳnh N5, anh Phạm Hữu T1, chị Nguyễn Khánh L1 và anh Nguyễn Khánh D1 được quyền lưu cư trong thời hạn là 06 tháng kể từ ngày 23/9/2024.

Về án phí đề nghị tuyên đúng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bà Lê Thị Kim L là nguyên đơn, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị Nào l người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo trong hạn luật định. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý xét xử theo trình tự phúc thẩm là đúng với Điều 273, 293 Bộ luật tốdân sự năm 2015.

[2]. Bà Lê Thị Kim L kháng cáo yêu cầu giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông D và yêu cầu độc lập của người liên quan để bảo vệ chính đáng cho bà L theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Các đương sự thừa nhận đất tranh chấp có nguồn gốc từ ông bà chung là cụ Lê Minh H (cha ruột của cụ Lê Thị Minh Ả). Ngày 27/11/1991, cụ Ả được UBND huyện T (nay là huyện L) cấp giấy chứng nhận QSDĐ đối với thửa đất số 360a và 360b, tổng diện tích là 4.030m^2. Ngày 14/12/1994 cụ Ả chuyển nhượng nhà và đất cho ông Lê Khắc D, cụ Ảnh chuyển nhượng hết diện tích đất trên giấy cho ông Lê Khắc D và được UBND huyện L hạ trang 4 trên giấy chứng nhận QSDĐ của bà Ảnh, nội dung đã chuyển nhượng hết cho ông D diện tích 4.030m^2 đồng thời UBND huyện L cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ông D diện tích 4.030m^2, gồm thửa đất số 360a và 360b theo nội dung đơn đăng ký chuyển nhượng QSDĐ có ghi thửa đất số 360a có chiều ngang 45 mét, chiều dài 140 mét, thửa đất số 360b có chiều ngang 40 mét và có ghi tứ cận của thửa đất tiếp giáp. Việc cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ông D cũng không có đo đạc, cắm mốc, mà chỉ hạ trang 4 trên giấy chứng nhận QSDĐ của bà Ảnh do chuyển nhượng hết 02 thửa đất nói trên, tại thời điểm cấp giấy không có ai tranh chấp. Tại Công văn số 115/UBND-NC ngày 20/7/2020 của UBND huyện L xác định: Khi ông D được cấp giấy ngày 18/5/2011 với diện tích 6.822,7m^2, có đo đạc thực tế, theo ranh giới mốc giới của chủ sử dụng xác định, tại thời điểm cấp giấy không có tranh chấp, về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định tại thời điểm cấp giấy. Tại Công văn số 3564/CNVPĐKĐĐHLV-KTĐC ngày 18/9/2023, của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L cung cấp thông tin như sau: Sổ mục kê thể hiện thửa đất số 360a và 360b thể hiện tên chủ sử dụng đất là Lê Thị Minh Ả (thửa đất 360b sau khi ông D nhận chuyển nhượng từ cụ Ảnh thì sau đó tách ra thành 02 thửa là thửa 482, 483) và 360a. Thửa đất số 23, tờ bản đồ số 38 được cấp đổi từ thửa đất số 482, 483, 360a, diện tích tăng do việc cấp giấy theo bản đồ 299 không chính xác. Đồng thời, theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ông D thể hiện: Khi cấp giấy cho ông D nhận chuyển nhượng từ bà Ảnh thì không có tiến hành đo vẽ, thể hiện tứ cận của thửa đất số 360a và 360b vào ngày 17/12/1994. Đến ngày 29/10/2008, thửa đất có thể hiện hình thể, các cạnh có số đo cụ thể theo biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất và có các chủ đất tiếp giáp ký xác định ranh. Đối với nhà thờ (phủ thờ, từ đường): Bà L không thừa nhận căn nhà bà L đang quản lý, sử dụng là phủ thờ mà chỉ là nhà bà ở do được cụ H cho cha bà. Tuy nhiên, bà L cũng thừa nhận các ông bà, cô bác trong dòng họ kêu cụ T2 về ở và trong căn nhà này được thờ ông bà từ các cụ sơ, cụ cố cho đến chú bác hầu hết đều mang họ L4 và hàng năm có đến 09 lễ giỗ. Bà L cũng thừa nhận vào năm 2014 bà L thấy phủ thờ xuống cấp nên bà L bán phủ thờ được số tiền 300.000.000 đồng để lấy tiền xây lại phủ thờ như hiện nay và việc bà L bán phủ thờ có ông Nguyễn Văn C1 đứng ra cho, do ông C1 là lớn nhất trong gánh họ. Do đó, có căn cứ để xác định một phần căn nhà mà bà L đang quản lý, sử dụng và một phần căn nhà mà bà L cho các cháu của bà L là ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị N quản lý, sử dụng là nhà thờ họ Lê. Đồng thời, hiện tại trong căn nhà vẫn còn đang thờ hình các cụ sơ, cố…và các bàn thờ cổ vẫn còn. Các

thành viên dòng họ Lê, trong đó có ông D thống nhất giao phần diện tích đất 923,4m^2 và nhà thờ trên phần diện tích đất này cho ông Lê Khắc T. Xét thấy, giao diện tích đất trên và nhà thờ cho ông T đại diện họ Lê đứng tên và quản lý là phù hợp. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bà L là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm anh Lê Khắc T đồng ý cho bà Lê Thị Kim L tiếp tục ở trong căn nhà thờ dòng họ Lê đến cuối đời nhưng không được ngăn cản con cháu họ Lê đến thắp hương cho tổ tiên, ông bà. Đồng ý cho ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị N, chị N5, anh T1, chị L1, anh D1 lưu cư do Hội đồng xét xử quyết định. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của anh T phù hợp với truyền thống của người Việt Nam, không trái với điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của anh T.

[3]. Xét bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Thanh S yêu cầu sửa án của Tòa án huyện Lấp Vò chấp nhận theo yêu cầu của bà N và ông S. Như nhận định tại mục [2] xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông S, bà Nào l không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4]. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Bảnán dân sự sơ thẩm số 25/2024/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp đã xử có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ghi nhận sự tự nguyện của anh T nên sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

[5]. Xét lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L, ông S, bà N; ghinhận sự tự nguyện của anh T là phù hợp pháp luật nên chấp nhận như đã nhận định nêu trên.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án dân sự sơ thẩm nên bà Lê Thị Kim L, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thị N tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[7]. Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2024/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tốdân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Kim L, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị N.

2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 25/2024/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim L.

2.2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Khắc D.

2.3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị N, anh Lê Khắc T, bà Lê Thị K và ông Lê Triều K1.

2.4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Lê Thị Kim L về việc yêu cầu huỷ một phần Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 23, tờ bản đồ số 38, diện tích 6.822,7m^2, đất toạ lạc tại ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, được UBND huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp cho hộ ông Lê Khắc D vào ngày 18/5/2011 và yêu cầu ông Lê Khắc D trả giá trị xây dựng căn nhà bà Lê Thị Kim L đang ở theo định giá là 276.279.075 đồng trong trường hợp buộc phải di dời.

- Buộc bà Lê Thị Kim L, chị Lê Thị Huỳnh N5, anh Phạm Hữu T1, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Khánh L1 và anh Nguyễn Khánh D1 có nghĩa vụ trả lại cho ông Lê Khắc D diện tích đất theo đo đạc thực tế là 1.259,2m^2 được thể hiện từ mốc M1, M27, M34, M28, M2, M25, M3, M4, M5, M6, M7, M24, E, F, A, M8, M9, M10 về M1 theo Sơđo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 09/11/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Giao phần diện tích 923,4m^2 (đất ở tại nông thôn 180m^2 và đất trồng cây lâu năm 743,4m^2), trong phạm vi các mốc từ M1, M10, M9, M8, A, F, E, M24, M25, M2, M28, M34, M27 về M1 theo Sơđo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 09/11/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L và căn nhà thờ được xây dựng trên phần diện tích này cho anh Lê Khắc T đại diện đứng tên, quản lý làm nơi thờ cúng ông bà, tổ tiên của dòng họ Lê.

Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan Nhànước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai cấp giấychứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Khắc T đồng ý cho bà Lê Thị Kim L tiếp tục ở trong căn nhà thờ dòng họ Lê đến cuối đời nhưng không được ngăn cản con cháu họ Lê đến thắp hương cho tổ tiên, ông bà.

- Buộc chị Lê Thị Huỳnh N5, anh Phạm Hữu T1, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Khánh L1 và anh Nguyễn Khánh D1 có nghĩa vụ di dời tất cả các tài sản cá nhân ra khỏi nhà để trả lại cho anh Lê Khắc T quản lý trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày 23/9/2024.

- Buộc ông Lê Khắc D hoàn trả giá trị căn nhà cho bà Lê Thị Kim L số tiền 276.279.075 đồng (Hai trăm bảy mươi sáu triệu, hai trăm bảy mươi chín nghìn, không trăm bảy mươi lăm đồng).

- Buộc ông Lê Khắc D hoàn trả giá trị căn nhà cho ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị N số tiền 24.439.825 đồng (Hai mươi bốn triệu, bốn trăm ba mươi chín nghìn, tám trăm hai mươi lăm đồng).

(Kèm theo Sơđo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 09/11/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đaiLấp Vò, tỉnh Đồng Tháp và các Biênbản xem xét thẩm định tại chỗ các ngày 30/7/2020, 20/01/2022, 05/6 và 19/10/2023 của Toà án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp)

3. Về chi phí tố tụng:

- Bà Lê Thị Kim L phải chịu chi phí đo đạc là 4.525.000 đồng (Bốn triệu, năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng), chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tổng cộng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), chi phí thẩm định giá là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng). Tổng cộng là 6.525.000 đồng (Sáu triệu, năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Bà L đã nộp tạm ứng và chi xong.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Khắc D về việc tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng). Ông D đã nộp tạm ứng và chi xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm

- Bà Lê Thị Kim L là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

- Ông Lê Khắc D phải chịu số tiền 15.035.900 đồng (Mười lăm triệu, không trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông D đã nộp tạm ứng án phí theo Biênthu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002390, ngày 30/11/2021 của C3

cụchành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Ông D còn phải nộp tiếp số tiền 14.735.900 đồng (Mười bốn triệu, bảy trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm đồng).

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị N số tiền 611.000 đồng (Sáu trăm mười một nghìn đồng) mà ông S và bà N đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002391, ngày 30/11/2021 của C3 cụcThi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Hoàn trả cho ông Lê Khắc D, anh Lê Khắc T, bà Lê Thị K và ông Lê Triều K1 số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông D, anh T, bà K và ông K1 đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003607, ngày 31/01/2024 của C3 cụcThi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Lê Thị Kim L, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị N16 phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thị N số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007430 ngày 28/5/2023 của Chi cụcThi hành án dân sự huyện L.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

7. Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2023/DS-ST, ngày 08/5/2024, của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Lấp Vò;
- Chi Cục THADS huyện Lấp Vò;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Trang).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký tên đóng dấu

Lê Hồng Nước